

**BỘ NỘI VỤ -
BỘ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2006/TTLT-BNV-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2006

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 10 năm 2006 đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

Căn cứ Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu chung; sau khi trao đổi ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 10 năm 2006 đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cán bộ, công chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Viên chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, đoàn thể.

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước và hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định được cử đến làm việc tại các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

4. Cán bộ chuyên trách và công chức ở xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

5. Giáo viên mầm non trong biên chế và giáo viên mầm non hợp đồng quy định tại Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo Quyết định số 58/TTg ngày 03 tháng 02 năm 1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04 tháng 3 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Cán bộ, công chức kiểm toán Nhà nước xếp lương theo các bảng lương và phụ cấp chức vụ ban hành kèm theo Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

10. Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng Thông tư này để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được vận dụng xếp lương theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước;

b) Các trường hợp đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong nước và ngoài nước thuộc biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị;

c) Công chức dự bị, những người đang trong thời gian tập sự trong các cơ quan nhà nước (kể cả tập sự công chức cấp xã) và những người đang trong thời gian thử việc trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

d) Các trường hợp đang bị đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam;

đ) Các đối tượng ký kết hợp đồng lao động đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

II. CÁCH TÍNH MỨC LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ HOẠT ĐỘNG PHÍ

Mức lương, phụ cấp (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu, nếu có) và hoạt động phí của các đối tượng quy định tại mục I Thông tư này từ ngày 01 tháng 10 năm 2006 được tính như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 mục I Thông tư này, thì căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp hiện hưởng quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và mức lương tối thiểu chung được điều chỉnh theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ để tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như sau:

a) Công thức tính mức lương:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/10/2006 \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương tối thiểu} \\ \text{chung 450.000} \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số} \\ \text{lương} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right)$$

b) Công thức tính mức phụ cấp:

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương tối thiểu chung:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/10/2006 \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu chung} \\ 450.000 \text{ đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right)$$

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/10/2006 \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/10/2006 \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp chức vụ} \\ \text{lãnh đạo} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/10/2006 \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp thâm} \\ \text{niên vượt} \\ \text{khung thực} \\ \text{hiện từ} \\ 01/10/2006 \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Tỷ lệ} \\ \% \text{ phụ} \\ \text{cấp được} \\ \text{hưởng} \\ \text{theo} \\ \text{quy định} \end{array} \right)$$

- Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

c) Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền} \\ \text{của hệ số chênh lệch} \\ \text{bảo lưu thực hiện từ} \\ \text{01/10/2006} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương tối thiểu} \\ \text{chung 450.000} \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số chênh} \\ \text{lệch bảo lưu} \\ \text{hiện hưởng} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right)$$

2. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 8 mục I Thông tư này, thì căn cứ vào hệ số hoạt động phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 2 Điều 75 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính mức hoạt động phí theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức hoạt động} \\ \text{phí thực hiện từ} \\ \text{01/10/2006} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương tối thiểu} \\ \text{chung 450.000} \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số} \\ \text{hoạt động phí} \\ \text{theo quy định} \end{array} \right)$$

3. Đối với người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu

a) Người làm công tác cơ yếu là quân nhân, công an nhân dân áp dụng cách tính mức lương và phụ cấp theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an;

b) Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, thì thực hiện tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như đối với cán bộ, công chức, viên chức theo cách tính quy định tại khoản 1 mục II Thông tư này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng hưởng lương, phụ cấp và hoạt động phí quy định tại mục I Thông tư này, căn cứ vào số người thực tế

có mặt đến ngày 01 tháng 10 năm 2006 để tính mức lương, mức phụ cấp, mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) và hoạt động phí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Việc xác định quỹ tiền lương, phụ cấp, hoạt động phí và xác định nhu cầu quỹ tăng thêm và nguồn kinh phí thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 105/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 03 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

4. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2006.

Các khoản trích và các chế độ được hưởng tính theo mức lương tối thiểu chung được tính lại tương ứng từ ngày 01 tháng 10 năm 2006.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Điều